

Bản án số: 47/2021/HSST

Ngày: 23/02/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Anh Thư

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1984, tại Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã X, huyện Y, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L và bà Đỗ Thị P; có vợ Ca Thị Ngọc P và có ba người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Đặng Đức T, sinh năm: 1970

Chỗ ở hiện nay: 81/78B Nguyễn Cửu Vân, Phường X, quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phùng Văn L, sinh năm: 1987

Chỗ ở hiện nay: 25B Bắc Hải, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- Bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1963

Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã X, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là nhân viên bảo vệ của khách sạn B, số 28 Trương Định, phường X, Quận Y, Thành phố H từ đầu năm 2018 đến đầu tháng 11 năm 2018 thì nghỉ việc. Do cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại khách sạn B để lấy tiền trả nợ. Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018, T đi bộ đến khách sạn B, thấy xe mô tô hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ - đen, biển số: 59S2-365.98 của ông Đặng Đức T là nhân viên bảo vệ của khách sạn để dưới gầm xe, không người trông coi và biết vị trí ông T thường để chìa khóa xe nên T đến lấy chìa khóa, mở khóa xe rồi điều khiển xe mô tô bỏ trốn. Sau khi chiếm đoạt xe, T thấy trong cốp xe có bóp chứa vòng, nhẫn vàng, giấy đăng ký xe và giấy tờ cá nhân của ông T nên đưa vòng, nhẫn vàng cho một người tên Hùng chưa rõ nhân thân, lai lịch bán được 15.000.000 đồng. Sau đó, T mang xe, giấy đăng ký xe và giấy tờ cá nhân của ông T đem cầm cho ông Phùng Văn L là chủ tiệm cầm đồ Tiến P, số 25B Bắc Hải, Phường X, Quận Y, Thành phố H được 22.000.000 đồng và số tiền trộm cắp có được T mang đi trả nợ hết.

Qua kiểm tra camera, ông T phát hiện T đã lấy trộm xe mô tô nên ông T đến Công an phường Bến Thành, Quận 1 trình báo sự việc. Sau khi xảy ra sự việc, bà Đỗ Thị P là mẹ của T đã bồi thường số tiền 22.000.000 đồng để ông T mang đến tiệm cầm đồ Tiến P chuộc lại xe và giấy tờ xe.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bắt, tạm giam T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. (Bút lục 103 đến 111)

Theo bản kết luận số: 396/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ đen, biển số: 59S2-365.98, số khung: RLHJF4612EY494297, số máy: JF46E5168227, trị giá 25.000.000 đồng và theo kết luận định giá tài sản số: 324/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 12 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản từ chối định giá đối với 01 vòng tay vàng, 01 nhẫn vàng. (Bút lục 59, 64).

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSQ1 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và bị hại đã có đơn bãi nại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ đen, biển số: 59S2-365.98; 01 giấy đăng ký xe biển số: 59S2-365.98, 01 căn cước công dân, 02 thẻ ATM mang tên Đặng Đức T đã thu hồi trả lại bị hại là ông T và ông T không có yêu cầu nào nên không xét.

- Số vòng, nhẫn vàng trong cặp xe bị cáo T chiếm đoạt bán được 15.000.000 đồng đã trả nợ hết. Bị cáo T đã thỏa thuận với bị hại ông T về việc bồi thường và ông T không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo T phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản bắt bị can để tạm giam,... có căn cứ để kết luận, khoảng 9 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại khách sạn B số 28 Trương Định, phường X, Quận Y, Thành phố H bị cáo T đã có hành vi lợi dụng sự không đề ý của ông T lén lút vào bên trong hầm xe của khách sạn lấy trộm xe mô tô hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ - đen, biển số: 59S2-365.98 cùng số vòng, nhẫn vàng bên trong cặp xe của ông T rồi điều khiển xe bỏ

trốn. Qua truy xét bị cáo T bị bắt giữ và tại Cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 37.000.000 đồng. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và bị hại bãi nại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi tiêu thụ xe của Phùng Văn L. Quá trình điều tra xác định ông L không biết xe mô tô hiệu Honda loại AirBlade, biển số: 59S2-365.98 bị cáo T mang đến bán do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với ông L là có cơ sở.

[7] Đối với người tên Hùng bán dùm số vòng, nhẫn vàng cho bị cáo T. Quá trình điều tra chưa truy tìm, xác minh được nhân thân, lai lịch nên chưa xử lý, Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh điều tra, làm rõ đủ căn cứ xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ đen, biển số: 59S2-365.98; 01 giấy đăng ký xe biển số: 59S2-365.98, 01 căn cước công dân, 02 thẻ ATM mang tên Đặng Đức T. Cơ quan điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi và trả lại bị hại là ông T, ông T không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét. (Bút lục 88, 89)

- Đối với số vòng, nhẫn vàng trong cặp xe bị cáo T chiếm đoạt, bán được 15.000.000 đồng đã trả nợ hết. Quá trình điều tra bị cáo, gia đình bị cáo và bị hại ông T đã thỏa thuận việc bồi thường, ông T đã nhận được tiền bồi thường và không có yêu cầu nào khác nên không xét. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp thì dành trong vụ án dân sự khác. (Bút lục 96, 102)

- Đối với 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo T phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên án về tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Nguyễn Đức T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Điều 105; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội.

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Huỳnh Ngọc Tuấn**